TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - *Kiểm sát viên*

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, về việc *"tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lường Thị Đ, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K54, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Nông Văn T, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lường Thị Đ trình bày:

Bà Đ và ông Nông Văn T tự nguyện sống chung vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì bà Đ và ông T sống tự lập tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông T không quan tâm gia đình, thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà Đ xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà Đ và ông T có 02 người con chung tên Nông Lương T, sinh ngày 27/01/1997 và Nông Lương T1, sinh ngày

31/7/2004. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra bà Đ và ông T không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà Đ va ông T không có tài sản chung

Về nợ: Bà Đ và ông T không nợ ai, cũng không ai nợ lại.

Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra không có yêu cầu gì khác

Đối với bị đơn ông Nông Văn T vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày:

Ông T thống nhất việc tự nguyện chung sống với bà Đ vào năm 1996, không đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và đã không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Nông Lương Tâm, sinh ngày 27/01/1997 và Nông Lương Tiến, sinh ngày 31/7/2004. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

Ông T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lường Thị Đ.

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lường Thị Đ và ông Nông Văn T

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét

+ Về tài sản và nợ chung đương sự khai không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Lường Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nông Văn T. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của bà Đ, ông T và xác minh tại địa phương xác định, bà Đ và ông T tự nguyện sống chung từ năm 1996, có con chung và mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng quá trình sống chung và hiện nay bà Đ và ông T vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà Đ cho rằng giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung từ năm 2016 và yêu cầu được ly hôn với ông T. Căn cứ khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…"*. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, không công nhận bà Đ và ông T là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Đ và ông T có 02 con chung tên tên Nông Lương T, sinh ngày 27/01/1997 và Nông Lương T1, sinh ngày 31/7/2004. Hiện các người con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ, ông T khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa áùn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lường Thị Đ

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lường Thị Đ và ông Nông Văn T

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Bà Đ chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010717 ngày 31/8/2023.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên